TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 147/2022/DS-PT
Ngày 27-4-2022
"V/v tranh chấp dân sự về chia thừa kế quyền sử dụng đất, chi phí tôn tạo và mai tang"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Tặng

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Huỳnh Thị Hương Thủy

Ông Đinh Chí Tâm

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Bảo Quốc là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Tài - Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 04/2022/TLPT-DS ngày 06 tháng 01 năm 2022, về việc "*Tranh chấp dân sự về chia thừa kế quyền sử dụng đất, chi phí tôn tạo và mai táng*".

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 55/2021/DS-ST ngày 10 tháng 11 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Lai Vung bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 63/2022/QĐ-PT ngày 01 tháng 3 năm 2022, giữa:

1. Nguyên đơn: Bà Võ Thị Nh, sinh năm 1944, (chết ngày 14/01/2020);

Người thừa kế quyền, nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn bà Võ Thị Nh:

1.1. Ông Đoàn Văn X, sinh năm 1943;

1.2. Anh Đoàn Phước Q, sinh năm 1972;

Cùng địa chỉ: Số ấp Long B, xã Hòa L, huyện Lai V, tỉnh Đồng Tháp.

1.3. Chị Đoàn Thị Ngọc L, sinh năm 1973;

Địa chỉ: Số đường Minh P, Phường, Quận, Thành phố Hồ Chí Minh.

1.4. Chị Đoàn Thị Ngọc T, sinh năm 1977;

Địa chỉ: Số ấp Vĩnh L, xã Vĩnh T, huyện Lấp V, tỉnh Đồng Tháp.

1.5. Anh Đoàn Phước G, sinh năm 1979;

Địa chỉ: Số Lâm Văn B, khu phố, phường Tân K, Quận, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của những người thừa kế quyền, nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn anh Đoàn Phước Q, chị Đoàn Thị Ngọc L, chị Đoàn Thị Ngọc T, anh Đoàn Phước G: Ông Đoàn Văn X, sinh năm 1943; Là người đại diện theo ủy quyền, theo văn bản ủy quyền ngày 13/3/2020 (Bút lục số 47-48);

Địa chỉ: Số ấp Long B, xã Hòa L, huyện Lai V, tỉnh Đồng Tháp.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông X: Luật sư Phạm Văn K1- Văn phòng Luật sư Phạm Văn K1, thuộc đoàn luật sư tỉnh Đồng Tháp.

2. Bị đơn: Ông Võ Ngọc Th, sinh năm 1956;

Địa chỉ: Số, ấp Long H, xã Hòa L, huyện Lai V, tỉnh Đồng Tháp.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Võ Thị T1, sinh năm: 1946; Địa chỉ: , ấp Tân Q, xã Phong H, huyện Lai V, tỉnh Đồng Tháp;

3.2. Ông Đặng Văn D, sinh năm: 1947;

3.3. Ông Đặng Văn D1, sinh năm: 1974;

Cùng địa chỉ: ấp Hưng Thành Đ, xã Long H, huyện Lấp V, tỉnh Đồng Tháp;

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của anh D1: Luật sư Nguyễn Minh H- Văn phòng Luật sư Minh H, thuộc đoàn luật sư tỉnh Đồng Tháp.

3.4. Chị Đặng Thị Ph, sinh năm: 1972;

Địa chỉ: ấp Hưng Thành Đ, xã Long H, huyện Lấp V, tỉnh Đồng Tháp;

Người đai diện hợp pháp của chị Ph: Ông Đặng Văn D, sinh năm: 1947. Là người dại diện theo ủy quyền, văn bản ủy quyền ngày 20/8/2020.

3.5. Chị Đặng Thị L1, sinh năm: 1978;

Địa chỉ: ấp Tân B, xã Phong H, huyện Lai V, tỉnh Đồng Tháp;

3.6. Chị Đặng Thị Nh1, sinh năm: 1984;

Tạm trú: ấp Hưng Thành Đ, xã Long H, huyện Lấp V, tỉnh Đồng Tháp;

Người đại diện theo ủy quyền của chị L1, chị Nh1: Anh Đặng Văn D1, sinh năm: 1974. Là người đại diện theo ủy quyền, văn bản ủy quyền ngày 05/3/2019, 04/3/2019.

Địa chỉ: ấp Hưng Thành Đ, xã Long H, huyện Lấp V, tỉnh Đồng Tháp.

Ông Đặng Văn D, Đặng Văn D1, Đặng Thị Ph, Đặng Thị L1, Đặng Thị Nh1 là người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của Bà Võ Thị No, sinh năm: 1949; (đã chết).

3.7. Bà Võ Thị Cẩm H1, sinh năm 1958;

Địa chỉ: Số ấp Tân Q, xã Phong H, huyện Lai V, tỉnh Đồng Tháp.

3.8. Bà Võ Thị C, sinh năm 1964;

3.9. Anh Võ Thanh T2, sinh năm 1989;

Cùng địa chỉ: Số ấp Long H, xã Hòa L, huyện Lai V, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan của bà C, anh T2: Ông Võ Ngọc Th sinh năm 1956;

Cùng địa chỉ: Số ấp Long H, xã Hòa L, huyện Lai V, tỉnh Đồng Tháp.

3.10. Chị Võ Thị Kim T3, sinh năm 1976;

3.11. Anh Trần Thanh T4, sinh năm 1974;

3.12. Anh Trần Thanh T5, sinh năm 1999;

3.13. Trần Thị Cẩm T6, sinh năm 2003;

3.14. Trần Minh T7, sinh năm 2006;

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan của anh T4, anh T5, Cẩm T6: Chị Võ Thị Kim T3, sinh năm 1976;

Người đại diện theo pháp luật cho Trần Minh T7: Chị Võ Thị Kim T3, sinh năm 1976 (Mẹ của cháu Trần Minh T7); Cùng địa chỉ: Số , ấp Long H, xã Hòa L, huyện Lai V, tỉnh Đồng Tháp.

3.15. Chị Võ Thị Kim Ph, sinh năm 1980;

3.16. Anh Nguyễn Phương N2, sinh năm 1980;

3.17. Nguyễn Ngọc Bảo Kh, sinh năm 2001;

3.18. Nguyễn Thị Tuyết N3, sinh năm 2003;

3.19. Nguyễn Minh H3, sinh năm 2005;

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan của anh N2, Bảo Kh, Tuyết N3: Chị Võ Thị Kim Ph, sinh năm 1980;

Người đại diện theo pháp luật cho Nguyễn Minh H3: Chị Võ Thị Kim Ph, sinh năm 1980 (Mẹ của cháu Nguyễn Minh H3); Cùng địa chỉ: Số , ấp Long H, xã Hòa L, huyện Lai V, tỉnh Đồng Tháp.

3.20. Ủy ban nhân dân huyện Lai V, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Hữu N4, chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Lai V.

Địa chỉ: Quốc lộ, khóm, thị trấn Lai V, huyện Lai V, tỉnh Đồng Tháp.

* ***Người kháng cáo***: Ông Võ Ngọc Th là bị đơn

**Quyết định kháng nghị phúc thẩm số: 01/QĐKNPT-VKS-DS ngày 24 tháng 11 năm 2021 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Lai V.*

Ông X, ông D, anh D1, ông Th, bà T, bà H2 và các Luật sư có mặt tại phiên tòa. Ủy ban nhân dân huyện Lai V có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Nguyên đơn bà Võ Thị Nh và những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Nh, những người thừa kế của bà Võ Thị No trình bày:

Cha, mẹ của bà Nh là cụ Võ Văn G, chết năm 1998; cụ Lữ Thị T0, chết năm 2012 có tất cả 06 người con là Võ Thị Nh, Võ Thị T, Võ Ngọc Th, Võ Thị No, Võ Thị Cẩm H2 và Võ Thị C.

Vào khoảng năm 1960 cụ G0 và cụ T0 có tạo lập được diện tích đất 3.813,2m^2 thuộc thửa đất số 18, tờ bản đồ số 41, đất ONT + CLN, đất tọa lạc tại xã Hòa Long, huyện Lai Vung (theo sổ mục kê, tờ bản đồ 299 là thửa đất số 42, tờ bản đồ số 7, chưa được nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, trong sổ mục kê ghi nhận tên Giàu), hiện phần đất do ông Võ Ngọc Th quản lý, sử dụng. Cụ G0 và cụ T0 chết không có để lại di chúc, nên bà Nh và bà No yêu cầu Tòa án chia thừa kế theo pháp luật di sản hai cụ để lại là phần đất có diện tích 3.813,2m^2 thành 06 phần bằng nhau, mỗi người hưởng một phần là 635,53m^2 cụ thể:

- Những người thừa kế của bà Võ Thị Nh yêu cầu hưởng phần di sản là phần đất diện tích 581,4m^2, đất ONT 100m^2 + 481,4m^2 CLN, bà Nh đã chết phần di sản này những người thừa kế của bà Nh là Đoàn Văn X, Đoàn Phước Q, Đoàn Thị Ngọc L, Đoàn Thị Ngọc T, Đoàn Phước G được hưởng phần đất này.

- Những người thừa kế của bà Võ Thị No yêu cầu được hưởng thừa kế phần đất diện tích 635,53m^2 tại phần giáp với đất bà Nh phần đất diện tích 539,7m^2, đất ONT 100m^2 + 439,7m^2 CLN.

Đối với phần diện tích đất được hưởng ít hơn kỷ phần được hưởng các đương sự không yêu cầu người hưởng phần diện tích nhiều hơn kỷ phần được hưởng phải trả giá trị phần diện tích chênh lệch.

Đối với yêu cầu của ông Th chi trả chi phí bơm cát, bơm đất sìn vào phần đất tranh chấp chia thừa kế tổng cộng 130.000.000 đồng, yêu cầu này những người thừa kế của bà Nh, bà No không đồng ý vì ông Th tự khai không có tài liệu chứng cứ gì chứng minh, ông Th tự ý san lắp không có trao đổi ý kiến,

không được sự đồng ý của các đồng thừa kế và phần đất này ông Th đã sử dụng hơn 15 năm, thu hoa lợi từ phần này nên không đồng ý chia chi trả số tiền này.

Đối với chi phí mai táng cụ G0 với cụ T0 73.139.000 đồng số tiền này ông Th trình bày là không đúng vì khi đám cụ G0 có tiền phúng điếu, khi tổ chức đám các người con đều có hùn tiền để chi trả tất cả chi phí lo đám tang, xây mồ mã cho cụ G0, bà T0 xong, từ trước đến nay không có tranh chấp gì số tiền này, các hóa đơn chứng từ đều mới lập sau này là không đúng thực tế. Không đồng ý tất cả yêu cầu phản tố của bị đơn. Tuy nhiên, ông Đặng Văn D chồng bà No tự nguyện hỗ trợ chi trả tiền chi phí mai táng cụ Lữ Thị T0 là 5.000.000 đồng cho ông Th.

** Bị đơn ông Võ Ngọc Th trình bày*:

Thống nhất theo lời trình bày của bà Nh về nguồn gốc đất, về hàng thừa kế. Cha, mẹ ông là cụ G0 và cụ T0 chết không có để lại di chúc, di sản để lại là phần đất có diện tích 3.813,2m^2 thuộc thửa đất số 18, tờ bản đồ số 41, đất ONT + CLN, đất tọa lạc tại xã Hòa Long, huyện Lai Vung, theo sổ mục kê, tờ bản đồ 299 là thửa đất số 42, tờ bản đồ số 7, chưa được nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, trong sổ mục kê ghi nhận tên G0, hiện phần đất đang tranh chấp do ông Võ Ngọc Th quản lý, sử dụng từ năm 1992.

Ông Võ Ngọc Th cho rằng năm 1992, cụ G0 họp gia đình và đã cho ông Võ Ngọc Th phần đất đang tranh chấp này chỉ thể hiện bằng lời nói, không có tài liệu chứng cứ gì chứng minh. Các cây trồng có trên đất ông Võ Ngọc Th không có yêu cầu, không tranh chấp, cây trồng có trên phần đất được chia cho ai thì người đó được hưởng cây trồng có trên đất, không phải trả giá trị cây trồng.

Ông Th thống nhất chia di sản thành 06 phần bằng nhau, mỗi người hưởng một phần, ông Th yêu cầu hưởng phần đất diện tích 539,7m^2 , đất ONT 100m^2 + 439,7m^2 CLN. Đối với bà Võ Thị T, bà Võ Thị Cẩm H2 và bà Võ Thị C nhường quyền thừa kế cho ông Th được hưởng, ông Th thống nhất.

Trên đất tranh chấp có sao 05 cây, vú sữa 01 cây, chuối 20 bụi, Tràm 02 cây, sắn 02 cây, 01 bụi tre 20 cây, 04 cây xoài, 01 cây dừa, 01 cây me, 01 cây mít, 02 cây vừng. Cây trồng có trên đất không yêu cầu chia, đồng ý giao cho ông Võ Ngọc Th hưởng, nhưng tại phiên tòa ông Võ Ngọc Th có ý kiến nếu cây trồng có trên phần đất của ai được hưởng thì được sử dụng cây trồng có trên đất, không phải trả giá trị cây trồng, ông Đoàn Văn X thống nhất ý kiến

này.

Theo ông Th trong quá trình quản lý, sử dụng đất ông Th cải tạo đất như bơm cát, bơm sìn, san lắp phần đất đang tranh chấp tổng cộng chi phí 130.000.000 đồng. Ông Th không yêu cầu định giá phần tài sản tranh chấp này và khi cụ G0, cụ T0 chết, ông Th lo chi phí mai táng tổng cộng 73.139.000 đồng. Số tiền chi phí cải tạo đất, chi phí đám tang ông Th yêu cầu chia thành 6 phần, mỗi người được hưởng thừa kế phải trả lại 01 phần chi phí cải tạo đất, chi phí đám tang cho ông Th. Chứng cứ là các biên nhận ông Th nộp cho Tòa án, ông Th chỉ cung cấp được hóa đơn chứng từ được lập sau này vì trước đây chỉ thỏa thuận bằng lời nói hoặc những hóa đơn quá lâu đã làm mất nên nhờ ghi lại hóa đơn mới vào khoảng năm 2020.

Hiện trên phần đất có hộ gia đình Võ Thị Kim T3 ở từ 1998 đến nay, hộ gia đình Võ Thị Kim Ph cất nhà bằng gỗ ở từ năm 2000 đến nay do cụ T0 cho ở. Ông Th không có yêu cầu hộ gia đình T3, hộ gia đình Ph di dời nhà để giao đất, cũng không có yêu cầu tranh chấp gì với hộ T3, hộ gia đình Ph trong vụ án này.

** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị T, Võ Thị Cẩm H2, bà Võ Thị C trình bày*:

Bà Võ Thị T, Võ Thị Cẩm H2 và bà Võ Thị C có đơn yêu cầu độc lập yêu cầu chia di sản thừa kế quyền sử dụng đất của ông Võ Văn G0, bà Lữ Thị T0 nhưng sau đó nghĩ tình chị em nên bà T, bà H2 làm đơn rút yêu cầu, không yêu cầu Tòa án giải quyết, từ chối nhận di sản, phần bà T, bà H2 được hưởng đồng ý giao cho Võ Ngọc Th hưởng phần di sản này, việc từ chối nhận di sản là hoàn toàn tự nguyện, không nhằm mục đích trốn tránh nghĩa vụ.

Tại quyết định bản án dân sự sơ thẩm số: 55/2021/DS-ST ngày 10 tháng 11 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Lai Vung đã tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Nh, yêu cầu độc lập của những người thừa kế của bà Võ Thị No về chia thừa kế theo pháp luật quyền sử dụng đất.

Phân chia di sản chia cho những người thừa kế như sau:

Bà Võ Thị Nh được hưởng phần di sản là quyền sử dụng đất diện tích 581,4m^2 (100m^{2}đất ONT+ 481,4m^2 CLN), thuộc một phần thửa đất số 18, tờ bản đồ số 41, (tờ bản đồ 299 là thửa đất số 42, tờ bản đồ số 7), tại phần 1 từ mốc M5, M6, M7, M8 về M5, theo sơ đồ đo đạc đất tranh chấp số 37/SĐ.ĐĐ/CNVP.ĐKĐĐ 2019, đo vẽ ngày 18/6/2019 của Chi nhánh văn

phòng đăng ký đất đai huyện Lai Vung, bà Võ Thị Nh đã chết phần đất này những người thừa kế của bà Nh là Đoàn Văn X, Đoàn Phước Q, Đoàn Thị Ngọc L, Đoàn Thị Ngọc T, Đoàn Phước G hưởng phần di sản này, cùng các cây trồng có trên đất.

Bà Võ Thị No được hưởng phần di sản là quyền sử dụng đất diện tích 539,7m^2 (đất ONT 100m^2 + 439,7m^2 CLN) thuộc một phần thửa đất số 18, tờ bản đồ số 41 (tờ bản đồ 299 là thửa đất số 42, tờ bản đồ số 7), phần 2 từ mốc M4, M5, M8, M9 về M4, theo sơ đồ đo đạc đất tranh chấp số 37/SĐ.ĐĐ/CNVP.ĐKĐĐ 2019, đo vẽ ngày 18/6/2019 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Lai Vung, bà Võ Thị No đã chết phần đất này những người thừa kế của bà No là Đặng Văn D, Đặng Văn D1, Đặng Thị Ph, Đặng Thị L1 hưởng phần di sản này, cùng các cây trồng có trên đất.

Ông Võ Ngọc Th được hưởng phần di sản là quyền sử dụng đất gồm: Phần 3 diện tích 547,5m^2, phần 4 diện tích 799m^2, phần 5 diện tích 620,2m^2, phần 6 diện tích 725,4m^2 (đất ONT 400m^2 + 2.292,1m^2 CLN), thuộc một phần thửa đất số 18, tờ bản đồ số 41 (tờ bản đồ 299 là thửa đất số 42, tờ bản đồ số 7), từ mốc M4, M9, M10, M11, M12, M13, M1, M2, M3, MA về M4 theo sơ đồ đo đạc đất tranh chấp số 37/SĐ.ĐĐ/CNVP.ĐKĐĐ 2019, đo vẽ ngày 18/6/2019 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Lai Vung, cùng các cây trồng có trên đất.

Vị trí, hiện trạng, tứ cận, số đo của thửa đất số 18, tờ bản đồ số 41, diện tích 3.813,2m^2*, mục đích sử dụng đất ONT 600m^2 + CLN 3.213,2m^2, (tờ bản đồ 299 là thửa đất số 42, tờ bản đồ số 7), đất tọa lạc tại xã Hòa Long, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp, chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, theo biên bản xem xét thẩm định tại chổ và theo sơ đồ đo đạc đất tranh chấp số 37/SĐ.ĐĐ/CNVP.ĐKĐĐ 2019, đo vẽ ngày 18/6/2019 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Lai Vung.*

Khi bản án có hiệu lực pháp luật các đương sự phải có trách nhiệm đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về quản lý đất đai để kê khai, đăng ký cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần đất được hưởng thừa kế theo quy định pháp luật.

2. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu phản tố của ông Võ Ngọc Th về việc chi trả chi phí tôn tạo phần di sản gồm: tiền bơm cát 90.000.000 đồng, bơm sìn 25.000.000 đồng, thuê kobe (máy xúc) sửa bờ 15.000.000 đồng, tiền

mai táng cụ Võ Văn G0 là 48.259.000 đồng và cụ Lữ Thị T0 là 24.880.000 đồng.

Ông Đặng Văn D chi trả tiền mai táng cụ Lữ Thị T cho ông Võ Ngọc Th số tiền 5.000.000 đồng.

3. Về án phí, tạm ứng án phí và chi phí xem xét thẩm định tại chổ:

Những người thừa kế của bà Võ Thị Nh là Đoàn Văn X, Đoàn Phước Q, Đoàn Thị Ngọc L, Đoàn Thị Ngọc T, Đoàn Phước G phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 3.228.300 đồng, trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.775.000 đồng theo biên lai thu số 0008500 ngày 25/02/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lai Vung. Những người thừa kế của bà Nh là Đoàn Văn X, Đoàn Phước Q, Đoàn Thị Ngọc L, Đoàn Thị Ngọc T, Đoàn Phước G được nhận lại 546.700 đồng.

Ông Đặng Văn D1, Đặng Thị Ph, Đặng Thị L1 phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm là 2.834.650 đồng, trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.000.000 đồng theo biên lai thu số 0001630 ngày 20/6/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lai Vung. Đặng Văn D, Đặng Văn D1, Đặng Thị Ph, Đặng Thị L1 được nhận lại 1.165.350 đồng.

Ông Võ Ngọc Th, bà Võ Thị T, Võ Thị No, Võ Thị Cẩm H2, Võ Thị C không phải nộp án phí dân sự sơ thẩm, được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Bà Võ Thị T được nhận lại 4.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001631 ngày 20/6/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lai Vung.

Bà Võ Thị Cẩm H2 được nhận lại 4.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001771 ngày 26/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lai Vung.

4. Chi phí xem xét thẩm định tại chổ đo đạc, định giá tài sản:

Những người thừa kế của bà Võ Thị Nh là Đoàn Văn X, Đoàn Phước Q, Đoàn Thị Ngọc L, Đoàn Thị Ngọc T, Đoàn Phước G đã nộp chi xong.

Người thừa kế của bà Võ Thị No là Đặng Văn D, Đặng Văn D1, Đặng Thị L1, Đặng Thị Ph phải hoàn trả cho người thừa kế quyền nghĩa vụ tố tụng của bà Võ Thị Nh là Đoàn Văn X, Đoàn Phước Q, Đoàn Thị Ngọc L, Đoàn Thị Ngọc T, Đoàn Phước G là 892.000 đồng chi phí xem xét thẩm định đo đạc, định giá tài sản.

Ông Võ Ngọc Th phải hoàn trả cho người thừa kế quyền nghĩa vụ tố tụng của bà Võ Thị Nh là Đoàn Văn X, Đoàn Phước Q, Đoàn Thị Ngọc L, Đoàn Thị Ngọc T, Đoàn Phước G là 3.565.200 đồng chi phí xem xét thẩm định đo đạc, định giá tài sản.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về thời hạn, quyền kháng cáo và quyền, nghĩa vụ, thời hiệu thi hành án của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 22 tháng 11 năm 2021, ông Th là bị đơn kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số: 55/2021/DS-ST ngày 10 tháng 11 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp. Ông Võ Ngọc Th yêu cầu bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của những người thừa kế của bà Võ Thị Nh và bà Võ Thị No, công nhận quyền sử dụng đất cho ông Th với diện tích 3.813,2m^2 thuộc thửa 18, tờ bản đồ 41, đất tọa lạc tại xã Hòa Long, huyện Lai Vung, tỉnh Đông Tháp. Nếu Tòa án xác định chia thừa kế thì phải trả cho ông Th toàn bộ chi phí cải tạo, công gìn giữ đất là 360.000.000 đồng.

Ngày 24 tháng 11 năm 2021, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Lai Vung ban hành Quyết định kháng nghị phúc thẩm số: 01/QĐKNPT-VKS-DS và đề nghị sửa một phần bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của ông Võ Ngọc Th đối với yêu cầu những người thừa kế của bà Võ Thị Nh và những người thừa kế của bà Võ Thị No chi trả tiền công tu bổ, cải tạo đất là tiền bơm cát, bơm sình, kobe đắp bờ theo giá trị thực tế mà đương sự được chia cho ông Th.

Tại phiên tòa phúc thẩm các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

* Luật sư bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho ông Đoàn Văn X trình bày nguồn gốc đất là của cụ Võ Văn G0 và cụ Lữ Thị T0, chết để lại. Cụ G0 và cụ T0 chết không có để lại di chúc, nên yêu cầu Tòa án chia thừa kế phần đất có diện tích 3.813,2m^2 của cụ G0 và cụ T0 chết để lại theo pháp luật cho 06 người con của cụ G0 và cụ T0 thành 06 phần bằng nhau, mỗi người con hưởng một phần là 635,53m^2, bà Võ Thị Nh yêu cầu hưởng phần di sản là phần đất diện tích 581,4m^2. Về phía ông Th không chứng minh được số lượng chi phí cải tạo, san lấp, nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông Th, không chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

* Luật sư bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho anh Đặng Văn D1 trình bày nguồn gốc đất là của cụ Võ Văn G0 và cụ Lữ Thị T0, chết để lại được xác định là di sản thừa kế. Ông Th yêu cầu những người được hưởng thừa kế phải hoàn trả chi phí cải tạo, san lấp đất bao nhiêu, khối lượng, diện tích không rõ ràng và ông Th cũng không có chứng cứ chứng minh, nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông Th, không chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tỉnh, phát biểu việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, các đương sự tham gia tố tụng chấp hành tốt quy định của pháp luật và đề xuất hướng giải quyết là chấp nhận một phần kháng cáo của ông Võ Văn Th, chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Lai Vung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, được kiểm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Cụ Võ Văn G0, chết năm 1998; cụ Lữ Thị T0, chết năm 2012 chung sống với nhau có tất cả 06 người con là Võ Thị Nh, Võ Thị T, Võ Ngọc Th, Võ Thị No, Võ Thị Cẩm H2 và Võ Thị C. Cụ G0 và cụ T0 chết không để lại di chúc, di sản để lại là diện tích 3.813,2m^2, nên di sản được chia thừa kế theo pháp luật cho 6 người con của cụ G0 và cụ T0 mỗi người được hưởng một phần là 635,53m^2.

[2] Về phía ông Th cho rằng, năm 1992 cụ G0 và cụ T0 họp gia đình nói miệng cho ông Th toàn bộ phần đất tranh chấp. Tại phiên tòa phúc thẩm ông Th trình bày cha, mẹ (cụ G0, cụ T0) cho đất ông Th từ năm 1974. Về phía bà Nh, bà No không thừa nhận cụ G0 và cụ T0 cho đất ông Th, nhưng ông Th không có chứng cứ chứng minh là cụ G0 và cụ T0 cho ông Th toàn bộ diện tích đất.

[3] Mặt khác, tại biên bản hòa giải ngày 28/6/2018 của Ủy ban nhân dân xã Hòa Long, huyện Lai Vung ông Th thống nhất chia phần đất tranh chấp thành 7 phần, ông Th được hưởng 02 phần; đơn yêu cầu của ông Th ngày 09/5/2020 ông Th yêu cầu được hưởng 20-25% trên mảnh đất và tại biên bản hòa giải ngày 08/5/2020, ngày 22/01/2021, ông Th thống nhất chia thừa kế phần đất của cụ G0 và cụ T0 chết để lại cho 06 người con của cụ G0 và cụ T0

và về phía bà No, bà H2, bà C cũng đều có yêu cầu được hưởng 01 kỷ phần tài sản thừa kế của cụ G0 và cụ T0, sau đó bà T, bà H2 và bà C thay đổi yêu cầu nhường quyền thừa kế của mình cho ông Th được hưởng. Điều đó chứng tỏ không có việc cụ G0, cụ T0 cho hết toàn bộ diện tích đất tranh chấp cho ông Th, nên việc bà Nh, bà No yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật di sản của cụ G0 và cụ T0 chết để lại là có căn cứ.

[4] Về số tiền chi phí cải tạo đất: Ông Th có cung cấp hợp đồng bơm cát san lấp mặt bằng ngày 25/5/2011 với bà Mã Thanh O, số tiền 90.000.000đ; hợp đồng thuê Kobe cải tạo vườn ngày 25/5/2013 với ông Trương Phi S1, số tiền 15.000.000đ và hợp đồng bơm sìn ngày 08/02/2014 với ông Nguyễn Chuyển C1, số tiền 25.000.000 đồng, ông Th thừa nhận các hợp đồng được lập vào năm 2020.

[6] Mặt khác, trong quá trình giải quyết vụ án ông Th không có yêu cầu định giá xác định chi phí cải tạo đất, vị trí phí phần đất cải tạo, đồng thời ông Th quản lý, sử dụng phần đất cải tạo từ năm 2013 đến nay cũng thu được lợi nhuận. Án sơ thẩm xử, bà Nh được thừa kế diện tích 581,4m^2 và bà No được thừa kế diện tích 539,7m^2 di sản của cụ G0 và cụ T0, phần đất bà Nh và bà No được hưởng thừa kế tương ứng với 2/7 kỷ phần, ông Th được hưởng 2/7 kỷ phần, bà T, bà H2, bà C mỗi người được 1/7 kỷ phần là có tính đến công sức gìn giữ, cải tạo đất…của ông Th. Phần bà T, bà H2, bà C nhường quyền thừa kế cho ông Th, nên ông Th được hưởng tương đương 5/7 kỷ phần. Vì vậy, ông Th kháng cáo không đồng ý chia thừa kế cho những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Nh và bà No là không có căn cứ.

[7] Xét đề nghị của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích của ông X và anh D1 là không chấp nhận kháng cáo, không chấp nhận kháng nghị cũng như phần nhận định trên đề nghị của các Luật sư là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp.

[8] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp là chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Lai Vung, buộc những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Nh và bà No có trách nhiệm chi trả tiền tu bổ cải tạo đất, bơm cát, bơm sình…Xét thấy cũng như phần nhận định trên đề nghị đề nghị của Viện kiểm sát là chưa phù hợp, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[9] Phần đất của cụ G0 và cụ T0 chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nhưng Án sơ thẩm giao cho những người thừa kế của bà Nh được thừa kế 100m^2 đất ONT + 481,4m^2 CLN (đất ở nông thôn và đất cây lâu năm);

Những người thừa kế của bà N được thừa kế đất ONT 100m^2 + 439,7m^2 CLN (đất ở nông thôn và đất cây lâu năm) là chưa phù hợp, vì việc xác định số thửa đất, tờ bản đồ, mục đích sử dụng từng loại đất thuộc thẩm quyền của cơ quan quản lý đất đai theo quy định của pháp luật về đất đai, nên Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm.

[10] Về án phí: Ông Đoàn Văn X, ông Đặng Văn D và ông Võ Ngọc Th là người cao tuổi có đơn xin miễn án phí. Căn cứ khoản 1, Điều 12, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, Hội đồng xét xử thống nhất miễn án phí cho ông X, ông Do và ông Th.

Từ những cơ sở trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông Th, không chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân huyện Lai Vung. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử sửa án sơ thẩm theo hướng nhận định trên.

Các phần còn lại của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết hạn kháng cáo kháng nghị.

Do sửa sơ thẩm, nên ông Th không phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 147, khoản 2, Điều 148; khoản 2, Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1, Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 Ủy ban Thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Không chấp nhận kháng cáo của ông Võ Ngọc Th.

Không chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Lai V.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Nh và yêu cầu độc lập của những người thừa kế của bà Võ Thị No là ông Đặng Văn D, anh Đặng Văn D1, chị Đặng Thị Ph, chị Đặng Thị L1, về việc yêu cầu chia thừa kế di sản của cụ Võ Văn G0 và cụ Lữ Thị T0.

- Bà Võ Thị Nh được hưởng phần di sản thừa kế là quyền sử dụng đất diện tích 581,4m^2, được thể hiện từ mốc M5, M6, M7, M8 về M5 (tại phần 1), cùng các cây trồng có trên đất. Do bà Nh chết nên những người thừa kế của bà

Nh là ông Đoàn Văn X, anh Đoàn Phước Q, chị Đoàn Thị Ngọc L, chị Đoàn Thị Ngọc T, anh Đoàn Phước G được quyền sử dụng diện tích 581,4m^2.

- Bà Võ Thị No (chết), những người thừa kế của bà Võ Thị No là ông Đặng Văn D, anh Đặng Văn D1, chị Đặng Thị Ph, chị Đặng Thị L1, Bà Võ Thị No được hưởng phần di sản thừa kế là quyền sử dụng đất diện tích 539,7m^2 được thể hiện từ mốc M4, M5, M8, M9 về M4 (tại phần 2), cùng các cây trồng có trên đất.

Ông Võ Ngọc Th được hưởng phần di sản thừa kế là quyền sử dụng đất gồm: diện tích 547,5m^2, (tại phần 3); diện tích 799m^2, (tại phần 4); diện tích 620,2m^2,(phần 5) và diện tích 725,4m^2 (tại phần 6), các diện tích đất ông Th được hưởng thể hiện từ mốc M4, M9, M10, M11, M12, M13, M1, M2, M3, MA về M4, cùng các cây trồng có trên đất.

Diện tích đất trên, tại xã Hòa Long, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp. Các mốc, vị trí, được thể hiện theo biên bản xem xét thẩm định tại chổ và theo sơ đồ đo đạc đất tranh chấp số 37/SĐ.ĐĐ/CNVP.ĐKĐĐ 2019, đo vẽ ngày 18/6/2019 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Lai Vung.

Các đương sự được đến cơ quan có thẩm quyền kê khai đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Việc xác định số thửa đất, tờ bản đồ, mục đích sử dụng từng loại đất thuộc thẩm quyền của cơ quan quản lý đất đai theo quy định của pháp luật về đất đai.

2. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu phản tố của ông Võ Ngọc Th về việc chi trả chi phí tôn tạo phần di sản gồm: tiền bơm cát 90.000.000 đồng, bơm sìn 25.000.000 đồng, thuê kobe (máy xúc) sửa bờ 15.000.000 đồng, tiền mai táng cụ Võ Văn G0 là 48.259.000 đồng và cụ Lữ Thị T0 là 24.880.000 đồng.

Chấp nhận sự tự nguyện của ông Đặng Văn D, chi trả tiền mai táng cụ Lữ Thị T0 cho ông Võ Ngọc Th số tiền 5.000.000 đồng.

3. Về án phí:

- Những người thừa kế của bà Võ Thị Nh là anh Đoàn Phước Q, chị Đoàn Thị Ngọc L, chị Đoàn Thị Ngọc T, anh Đoàn Phước G phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 3.228.300 đồng, trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.775.000 đồng theo biên lai thu số 0008500 ngày 25/02/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lai Vung. Những người thừa kế của bà Nh là Đoàn Văn X, Đoàn Phước Q, Đoàn Thị Ngọc L, Đoàn Thị Ngọc T, Đoàn Phước G được nhận lại 546.700 đồng.

- Ông Đặng Văn D1, Đặng Thị Ph, Đặng Thị L1 phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm là 2.834.650 đồng, trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.000.000 đồng theo biên lai thu số 0001630 ngày 20/6/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lai Vung. Đặng Văn D, Đặng Văn D1, Đặng Thị Ph, Đặng Thị L1 được nhận lại 1.165.350 đồng.

- Ông Võ Ngọc Th, bà Võ Thị T, Võ Thị No, Võ Thị Cẩm H2, Võ Thị C không phải nộp án phí dân sự sơ thẩm, được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

- Bà Võ Thị T được nhận lại 4.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001631 ngày 20/6/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lai Vung.

- Bà Võ Thị Cẩm H2 được nhận lại 4.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001771 ngày 26/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lai Vung.

- Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Th không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

4. Chi phí xem xét thẩm định tại chổ đo đạc, định giá tài sản:

Tổng cộng 5.348.000 đồng, những người thừa kế của bà Võ Thị Nh là Đoàn Văn X, Đoàn Phước Q, Đoàn Thị Ngọc L, Đoàn Thị Ngọc T, Đoàn Phước G đã nộp tạm ứng và chi xong.

Người thừa kế quyền nghĩa vụ tố tụng của bà Võ Thị Nh là Đoàn Văn X, Đoàn Phước Q, Đoàn Thị Ngọc L, Đoàn Thị Ngọc T, Đoàn Phước G phải chịu 892.000 đồng.

Người thừa kế của bà Võ Thị N là Đặng Văn D, Đặng Văn D1, Đặng Thị L1, Đặng Thị Ph phải chịu là 892.000 đồng chi phí xem xét thẩm định đo đạc, định giá tài sản và nộp lại để hoàn trả cho người thừa kế quyền nghĩa vụ tố tụng của bà Võ Thị Nh là Đoàn Văn X, Đoàn Phước Q, Đoàn Thị Ngọc L, Đoàn Thị Ngọc T, Đoàn Phước G.

Ông Võ Ngọc Th phải chịu 3.565.200 đồng chi phí xem xét thẩm định đo đạc, định giá tài sản và nộp lại để hoàn trả cho người thừa kế quyền nghĩa vụ tố tụng của bà Võ Thị Nh là Đoàn Văn X, Đoàn Phước Q, Đoàn Thị Ngọc L, Đoàn Thị Ngọc T, Đoàn Phước G.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án mà người phải thi hành án chưa thi hành án xong, thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất

quy định tại lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND Tỉnh;
- TAND huyện Lai Vung;
- CCTHADS huyện Lai Vung;
- Phòng KTNV-THA TA Tỉnh;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án (T).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚCTHẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Tấn Tặng